TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 08 – 6 - 2026
"V/v kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Công Bằng

2. Bà Phan Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 144/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh ngày 10/11/1981. CCCD số: 044181010351, cấp ngày 08/5/2021, nơi cấp: Bộ C. Nơi thường trú: Ngõ G, đường L, tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ báo tin: Số B đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Chị H có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 18/12/1980. CCCD số: 044080009534, cấp ngày 20/3/2022, nơi cấp: Bộ C. Nơi thường trú: Ngõ G, đường L, tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.Anh Dũng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2026 và nội dung được bổ sung tại bản tự khai - Nguyên đơn, chị Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 16/9/2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Việc kết hôn được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, cách suy nghĩ và ứng xử khác nhau,

thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong quá trình chung sống, anh D không quan tâm đến gia đình, vợ con, thiếu sự chia sẻ trách nhiệm trong cuộc sống hôn nhân. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không được khắc phục. Từ đầu năm 2025, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh D có ba người con chung là: Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/4/2006; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/10/2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/10/2013.

Đối với con chung là Nguyễn Ngọc T đã thành niên và có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với hai con chung là: cháu Nguyễn Bảo T và Nguyễn Bảo K, chị H đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau: Giao cháu Nguyễn Bảo T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo K cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày các bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai lập ngày 17/5/2026 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dũng thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh D1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn một phần xuất phát từ việc anh mất niềm tin đối với chị H nên có những hành vi ghen tuông, kiểm soát quá mức. Tuy nhiên, anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và có thể khắc phục được. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng các con và xây dựng gia đình hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh D1 xác nhận vợ chồng có ba người con chung gồm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/4/2006; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/10/2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/10/2013.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai con chung là: cháu Nguyễn Bảo T và Nguyễn Bảo K, tại biên bản hòa giải lập ngày 14/5/2026, anh D1 trình bày: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh D1 thống nhất giao cháu Nguyễn Bảo T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo K cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D1 xác nhận các bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị ban hành thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập, tiến hành triệu tập các bên đương sự đến lấy lời khai. Chị H và anh D1 đều trực tiếp đến Tòa án theo Giấy triệu tập và đã có bản tự khai trình bày ý kiến của mình. Ngày 04/5/2026, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Ngày 14/5/2026, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân nên hòa giải không thành. Đồng thời, anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân nên hòa giải không thành, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Nguyễn Văn D có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Ngõ G, đường L, tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã ban hành thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nguyên đơn là chị Phạm Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án, đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, Bị đơn là anh Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[1.3] Việc không tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị là do vụ án thuộc trường hợp toà án không thu thập tài liệu, chứng cứ và không thuộc các trường hợp khác mà đại diện Viện kiểm sát phải tham gia.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn ngày 16/9/2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Việc kết

hôn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong sinh hoạt gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, thiếu sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù anh D không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ nhưng anh D cũng thừa nhận giữa vợ chồng tồn tại mâu thuẫn kéo dài, xuất phát từ việc mất niềm tin trong quan hệ hôn nhân. Các bên đều xác nhận đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, đời sống chung không còn duy trì được.

Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù anh D có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ, quay về chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên chị H hiện nay không còn tình cảm với anh D và kiên quyết ly hôn anh D chứng tỏ giữa các bên không tìm ra được tiếng nói chung, anh D cũng không có biện pháp khắc phục, hiện nay hai người sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và giữa hai người không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung:

Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án ghi nhận, quá trình chung sống giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D có ba con chung là: Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 26/4/2006; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/10/2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/10/2013.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải lập tại Tòa án ngày 14/5/2026, chị H và anh D đều thống nhất thỏa thuận phương án giải quyết con chung sau ly hôn như sau: Đối với cháu Nguyễn Ngọc T đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với hai cháu Nguyễn Bảo T và Nguyễn Bảo K hiện chưa đủ tuổ thành niên. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì giao cháu Nguyễn Bảo T cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Bảo K cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến nêu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng con, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các con chưa

thành niên; phù hợp ý kiến tại đơn trình bày nguyện vọng do cháu Nguyễn Bảo T và cháu Nguyễn Bảo K lập ngày 16/5/2026 gửi đến Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nê Hội đồng xét xử không em xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm Chị Phạm Thị H phải chịu án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/10/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/10/2013 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 26/4/2006 đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*:* Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm***:*** Buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn. Số tiền chị H phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai số 0001284 ngày 01 tháng 4 năm 2026. Chị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2026).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV1;
- TAND Tỉnh Quảng Trị;
- T.H.A D.S tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán
Chủ toạ phiên toà

Trần Công Bằng Phan Thị Tuyết Nguyễn Phú Q